

Bản án số: 67/2024/DS-ST

Ngày: 10 - 9 - 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG - TỈNH NAM ĐỊNH.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Kim An;
- Bà Đinh Thị Hồng Thơm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường** tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-TCDS ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-TCDS ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phan Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm C, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

**- Bị đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

(Chị N, chị H đều vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày:

Chị và chị Phạm Thị H là chỗ quen biết và chơi với nhau. Ngày 12/11/2022 âm lịch, chị H có vay của chị số tiền 40.000.000đ và chị H có viết cho chị giấy vay tiền và thống nhất lấy lãi theo thỏa thuận, thời gian vay từ 01 đến 2 tháng. Khi đến hạn trả nợ chị đã đòi chị H nhiều lần nhưng chị H không trả, chị đã tạo điều kiện để chị H có

thời gian thu xếp trả tiền cho chị, nhưng chị **H** cố tình trốn tránh và không trả. Nay chị đề nghị Tòa án buộc chị **H** phải trả cho chị số tiền 40.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn, chị **Phạm Thị H**: Do không tổng đạt trực tiếp được văn bản tố tụng cho chị **H** nên Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị **H** không chấp hành.

Kết quả làm việc tại Ủy ban nhân dân xã **X** xác định:

- Về gia đình phía bị đơn chị **Phạm Thị H**: Hiện nay chị **H** đang làm ăn ở nơi khác và không có mặt tại địa phương; chị **H** vẫn thường xuyên đi về nhà, còn địa chỉ cụ thể như thế nào thì xã không được biết.

- Hiện nay, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đang thụ lý giải quyết vụ án trên và đã nhiều lần báo chị **H** lên làm việc nhưng chị **H** không đến. Việc chị **H** không đến, địa phương có tổng đạt giấy báo của Tòa án cho chị **H** rất nhiều lần chị **H** đều trốn tránh và không hợp tác nhận giấy báo của Tòa án.

- Nay chị **Phan Thị N** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị **Phạm Thị H** phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số nợ gốc là 40.000.000 đồng. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã **X** về việc giải quyết vụ án nói trên là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật buộc chị **H** phải có trách nhiệm trả cho chị **N** số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc chị **H** phải trả chị **N** số tiền gốc là 40.000.000đ. Chị **H** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Chị **H** vay tiền chị **N** đã có chữ ký xác nhận của người vay là chị **H** (bản gốc) thể hiện trong giấy biên nhận mà chị **N** đã nộp cho Tòa án. Do đó có đủ căn cứ khẳng định từ ngày 12/11/2022 âm lịch chị **H** đã vay tiền của chị **N** 40.000.000đ là sự việc có thật, thời gian vay từ 01 đến 2 tháng, lãi xuất do hai bên thoả thuận, đến hạn thanh toán chị **N** đã đòi nhiều lần nhưng chị **H** không trả gốc và lãi. Nay chị **N** đề nghị Tòa án buộc chị **H** trả toàn bộ số nợ gốc là 40.000.000đ, chị không yêu cầu tính lãi. Việc chị **H** không chấp hành giấy báo của Tòa án lên làm việc để đưa ra những tài liệu chứng cứ để chứng minh, do đó chị **H** vẫn phải trả số nợ gốc đã vay là 40.000.000đ.

[3] Từ những phân tích nhận định nêu trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **N** về việc kiện đòi nợ chị **H** là hợp pháp. Vì vậy cần buộc chị **H** phải thanh toán trả chị **N** số tiền nợ gốc là 40.000.000đ là phù hợp với Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, chị **N** chỉ yêu cầu chị **H** trả số nợ gốc và không yêu cầu tính lãi, việc không yêu cầu tính lãi của chị **N** là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị **N** được chấp nhận nên chị **H** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 166, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thị N** đối với chị **Phạm Thị H**.
2. Buộc chị **Phạm Thị H** phải có trách nhiệm trả nợ chị **Phan Thị N** số tiền nợ gốc là 40.00.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền người phải thi hành án chậm thi hành án phải chịu lãi suất hàng tháng theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị **Phạm Thị H** phải nộp 2.000.000đ (hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị **Phan Thị N** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.150.000đ (một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai số 0000191 ngày 18/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã Xuân Tiến, Xuân Hoà;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Thung**